

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 652/2024/DS-PT
Ngày: 24/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán: 1. Bà Đặng Huyền Phương
2. Bà Vũ Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thuý Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2024/TLPT ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 306/2023/DS-ST ngày 10/8/2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 47/2023/QĐ-SCBSBA ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3175/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 9940/2024/DS-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Quế H**, sinh năm 1969

Địa chỉ: A đường T, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải V, sinh năm 1973 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 010060, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 12/8/2019)

Địa chỉ: Lầu C, số D đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị K**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số A đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1969 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 45522, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 22/12/2017)

Địa chỉ: Số B đường P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1972

Địa chỉ: A đường T, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nguyệt T, sinh năm 1977 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 003923, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Một Thành phố H chứng nhận ngày 03/5/2018)

Địa chỉ: Số A đường L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Lê Thị Kỹ N1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số A đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1969 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 1894, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng C2 chứng nhận ngày 15/01/2018)

Địa chỉ: Số B đường P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Lê Quốc H1

Địa chỉ: Số H đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quế H trình bày:

Trước đây, bà Nguyễn Thị Quế H là chủ sở hữu của chiếc xe Lexus biển số 52P-3456 sau đó được đổi sang biển số 51A-951.74. Bà có mối quan hệ thân thiết với bà Huỳnh Thị K. Vào khoảng tháng 5 năm 2015, do có công việc ở nước ngoài nên trước khi đi, vào ngày 02/6/2015 bà có làm hợp đồng ủy quyền cho bà Huỳnh Thị K đối với chiếc xe ô tô nói trên. Tuy nhiên sau đó bà K đã bán chiếc xe trên cho bà Lê Thị Kỹ N1 (con của bà K), bà K bán với giá 500.000.000 đồng. Sau khi bán, bà K chưa giao lại số tiền trên cho bà nên bà yêu cầu bà Huỳnh Thị K phải giao lại cho bà 500.000.000 đồng là số tiền đã bán chiếc xe Lexus biển số 51A-951.74.

Mặt khác, tại thời điểm bà K bán chiếc xe nói trên cho bà Lê Thị Kỹ N1, giá trị chiếc xe trên cao hơn nhiều so với số tiền 500.000.000 đồng, khi bà K bán cho bà N1 thì bà K không thông báo về việc bán xe và giá bán xe dưới bất kỳ hình thức nào. Việc tự ý bán chiếc xe trên mà không thông báo cho bà biết đã gây thiệt hại cho bà, do đó bà yêu cầu bà K phải bồi thường thiệt hại với số tiền chênh lệch so với giá trị của chiếc xe. Theo kết quả thẩm định giá của Công ty

Cổ phần Đ thì giá trị chiếc xe Lexus biển số 51A-951.74 tại thời điểm bán có giá trị là 2.329.650.000 đồng. Do đó ngoài yêu cầu buộc bà Huỳnh Thị K phải trả lại số tiền 500.000.000 đồng là tiền đã bán xe, bà H yêu cầu bà K phải bồi thường số tiền 1.829.650.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải ông Nguyễn Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:

Khi được bà Nguyễn Thị Quế H, ông Nguyễn Thành N ủy quyền toàn quyền chiếc xe ô tô hiệu Lexus biển số 51A-951.74, bà K đã bán chiếc xe trên cho bà Lê Thị Kỳ N1 (con bà K) số tiền 500.000.000 đồng và chưa giao lại cho bà H, ông N số tiền 500.000.000 đồng. Số tiền 500.000.000 đồng bán xe, phía bà K yêu cầu được cản trừ vào số tiền bà H và ông N còn nợ bà K theo các giấy biên nhận tiền theo đơn yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị K.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H, phía bà K không đồng ý vì không có căn cứ để xác định giá trị của chiếc xe trên tại thời điểm bán có giá trị 2.329.650.000 đồng theo chứng thư thẩm định của Công ty Cổ phần Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị K có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu bà Nguyễn Thị Quế H và ông Nguyễn Thành N phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị K số tiền là 3.628.000.000 đồng theo các giấy biên nhận tiền cụ thể như sau: Ngày 11/5/2015 bà H mượn 500.000.000 đồng, ngày 02/6/2015 ông N mượn 750.000.000 đồng, ngày 06/6/2015 ông N mượn 250.000.000 đồng, ngày 10/6/2015 ông N mượn 1.000.000.000 đồng, ngày 20/6/2015 ông N mượn 78.000.000 đồng, ngày 12/8/2015 bà H mượn 100.000.000 đồng và ngày 26/8/2015 ông N mượn 950.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền bán xe Lexus biển số 51A-951.74 là 500.000.000 đồng, bà K yêu cầu bà H và ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà K số tiền 3.128.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 10%/01 năm, tính từ ngày 26/8/2015 đến ngày Tòa xét xử là 95 tháng (tương đương số tiền 2.475.342.800 đồng), 8 ngày (tương đương 6.948.330 đồng).

Tổng số tiền bà Huỳnh Thị K yêu cầu là 3.128.000.000 đồng + 2.475.342.800 đồng + 6.948.330 đồng = 5.610.291.130 đồng. Trong đó số tiền gốc là 3.128.000.000 và tiền lãi phát sinh là 2.482.291.130 đồng.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Nguyệt T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N trình bày: Đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị Quế H, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét buộc bà Huỳnh Thị K thanh toán lại tổng số tiền theo yêu cầu của bà H.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị K, bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N trình bày: Do trước đây ông N có ký nhiều giấy nợ đối với bà K nên cũng không xác định rõ những giấy biên nhận nợ mà bà K cung cấp là có xác thực hay không. Tuy nhiên phía ông N và bà K đã có biên

bản quyết toán sau khi hai bên mua bán các căn nhà ở Quận A, hai bên xác nhận mọi giấy tờ do ông N ký trước đây không còn giá trị vì hai bên đã quyết toán xong nên phía ông N không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà K về việc yêu cầu bà H và ông N liên đới thanh toán các khoản nợ theo 08 biên nhận tiền mà phía bà K cung cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Hải V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quế H vẫn giữ nguyên yêu cầu, buộc bà Huỳnh Thị K trả lại cho bà H 500.000.000 đồng tiền đã bán chiếc xe Lexus biển số 51A-951.74 và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do chênh lệch giá trị của chiếc xe với số tiền 1.829.650.000 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Quế H yêu cầu là 2.329.650.000 đồng;

Yêu cầu Hội đồng xét xử bác yêu cầu phản tố của phía bị đơn. Đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận bà H trước đây có nhận 500.000.000 đồng vào ngày 11/5/2015 và 100.000.000 đồng vào ngày 12/8/2015 của bà K. Tuy nhiên sau đó bà H có bán cho bà K căn nhà ở Quận A và tại biên bản quyết toán công nợ thì các bên đã chốt nợ, theo đó bà K còn nợ lại bà H 3.000.000.000 đồng và sau đó hai bên đã tất toán xong nên việc bà K yêu cầu bà H phải thanh toán lại số tiền trước đây đã mượn là không có căn cứ.

Ông Nguyễn Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị K vẫn giữ nguyên quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 1.829.650.000 đồng. Phía bà K chỉ đồng ý trả lại 500.000.000 đồng là tiền đã bán chiếc xe Lexus biển số 51A-951.74 đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của phía bị đơn về việc buộc bà H và ông N thanh toán lại cho bà K số tiền đã nợ trước đây với số tiền là 3.628.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền bán xe thì số tiền gốc còn lại là 3.128.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 2.482.291.130 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà K cho rằng không có căn cứ để xác định giá trị của chiếc xe tại thời điểm bán. Xe ô tô là động sản, phải bị hao mòn theo thời gian, tại thời điểm Công ty thẩm định cho kết quả về giá của chiếc xe thì không có chiếc xe hiện hữu để làm cơ sở thẩm định, do đó chứng thư thẩm định giá trị của chiếc xe có giá 2.329.650.000 đồng tại thời điểm bán là thiếu khách quan nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ông Nguyễn Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị K trình bày rằng: Đối với các chứng cứ là các biên bản thỏa thuận công nợ ngày 29/9/2016 và 18/10/2016 do ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Quế H đưa ra thì đây là các chứng từ chốt lại số tiền mua bán nhà giữa các bên. Đây là một quan hệ pháp luật khác giữa các bên, không có ý nghĩa và giá trị để chứng minh phía bà H và ông N đã thanh toán dứt điểm số tiền đã mượn theo 08 biên nhận tiền mà phía bà K cung cấp như đã liệt kê tại phần trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 306/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 47/QĐ-SCBSBA ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quế H: Buộc bà Huỳnh Thị K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Quế H tổng số tiền 2.329.650.000 đồng. Thi hành làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Quế H và ông Nguyễn Thành N phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị K số tiền 5.610.291.130 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.128.000.000 tiền lãi phát sinh là 2.482.291.130 đồng

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Quế H số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0027808 ngày 02/11/2017; số tiền 24.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/000599 ngày 03/5/2019; số tiền 8.241.250 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027869 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Thị K số tiền 47.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0028911 ngày 06/4/2018.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/8/2023, bị đơn bà Huỳnh Thị K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ khác.

Ông Nguyễn Ngọc L là người đại diện theo theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn bà Huỳnh Thị K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bản án sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ, khách quan các tài liệu chứng cứ, không xem xét chứng

cứ các bên nhận nợ do bị đơn cung cấp và bản án sơ thẩm cho rằng đã được các bên giải quyết xong nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không đúng. Đối với chiếc xe là động sản phải bị khấu hao, khi giám định tài sản không còn tồn tại nên kết luận giám định không phù hợp với thực tế.

Bà K được ủy quyền bán xe và đã thực hiện bán xe để căn trừ số tiền ông N, bà H còn nợ là 3.128.000.000 đồng. Nên bà K không có trách nhiệm phải trả số tiền bán xe cho bà H theo ủy quyền.

Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ông Nguyễn Hải V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm chưa xem xét các giấy nợ do bị đơn cung cấp là không đúng vì bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và nhận định cụ thể để quyết định không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Về kết quả thẩm định hoàn toàn phù hợp với qui định pháp luật. Xe có khấu hao nhưng mỗi năm đều có đăng kiểm để xác định chất lượng của xe nên thẩm định giá là hoàn toàn đúng.

Bị đơn cho rằng hợp đồng ủy quyền có hai người cùng ký trong khi trước đó năm 2014 có xác định tài sản riêng cho nên việc Hợp đồng yêu cầu hai người cùng ký chỉ là thủ tục. Do đó, không có căn cứ nào xác định căn trừ chiếc xe vào khoản nợ 3.218.000.000 đồng. Biên bản bàn giao nhà ngày 28/10/2016, bà K cũng đã xác nhận còn nợ lại bà H 3.000.000.000 đồng, và sau đó hai bên đã tất toán xong nên việc bà K yêu cầu bà H phải thanh toán lại số tiền trước đây đã mượn là không có căn cứ. Do đó, bên được ủy quyền phải giao lại số tiền đã nhận được từ việc ủy quyền và hưởng lợi từ việc ủy quyền hoặc bồi thường thiệt hại cho nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu y án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Nguyệt T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Xe Lexus là tài sản riêng của bà H, các khoản nợ mà bị đơn yêu cầu ông N trả, xảy ra trước khi bà H và ông N bán nhà và không liên quan đến chiếc xe Lexus. Biên bản bàn giao nhà đã xác định các bên không còn nợ gì, nên ông N không còn nợ bà K. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản

án dân sự sơ thẩm số 1306/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 47/QĐ-SCBSBA ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 10/8/2023, Tòa án quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 306/2023/DS-ST về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”. Ngày 18/8/2023, bị đơn bà Huỳnh Thị K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quế H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị K phải trả lại số tiền 500.000.000 đồng là tiền đã bán xe và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số tiền 1.829.650.000 đồng căn cứ theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 16811 ngày 02/6/2015 được xác lập tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà H, ông N và bà K. Bị đơn bà Huỳnh Thị K có địa chỉ cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, có cơ sở xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng ủy quyền và Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền của theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Huỳnh Thị K phải trả lại cho bà H 500.000.000 đồng tiền đã bán chiếc xe Lexus biển số 51A-951.74 và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do chênh lệch giá trị của chiếc xe với số tiền 1.829.650.000 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu là 2.329.650.000 đồng.

Căn cứ hợp đồng ủy quyền số công chứng 16811 ngày 02/6/2015 được xác lập tại Phòng C2, TP . giữa bà H, ông N và bà K. Theo đó, bà H, ông N ủy quyền cho bà K thay mặt bà H, ông N quản lý, sử dụng, sửa chữa, cho thuê, cho mượn, thanh lý hợp đồng cho thuê, thanh lý hợp đồng cho mượn, thế chấp, xóa thế chấp, bán, tặng cho, hủy hợp đồng bán hoặc hủy hợp đồng tặng cho, giải quyết các quyền lợi bảo hiểm, giải quyết tai nạn (nếu có), rút hồ sơ, đóng tất cả các loại thuế - lệ phí đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lexus biển số: 51A-951.74 nêu trên, căn cứ theo các quy định pháp luật. Thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 02/6/2015 được xác lập giữa bà H, ông N và bà K, ngày 21/8/2015 bà K bán chiếc xe trên cho bà Lê Thị Kỳ N1 với giá 500.000.000 đồng. Căn cứ vào nội dung hợp đồng ủy quyền như trên thì phía bà K được toàn quyền thay mặt bà H, ông N để định đoạt mua bán, thế chấp, do đó việc bà K đại diện bà H và ông N

ký hợp đồng bán xe ô tô nói trên cho bà Lê Thị Kỳ N1 là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nội dung hợp đồng ủy quyền.

Theo bà H thì khi bà K bán xe cho bà N1 bà K không thông báo cho bà H biết về giá sang nhượng, không được sự đồng ý của bà H về giá sang nhượng điều này gây thiệt hại cho bà H vì theo bà H tại thời điểm bà K bán xe cho bà N1 với giá 500.000.000 đồng thì giá trị chiếc xe là cao hơn nhiều so với giá bà K bán cho bà N1. Sau khi bán xe bà K không giao lại số tiền đã bán xe cho bà H. Vì vậy bà H yêu cầu bà K trả cho bà H tiền bán xe là 500.000.000 đồng và bồi thường cho bà H số tiền chênh lệch giá của chiếc xe. Tòa án đã trưng cầu Công ty Cổ phần Đ theo sự thống nhất lựa chọn đơn vị thẩm định của các đương sự. Theo kết quả thẩm định giá số 1170719/CT-TV ngày 24/7/2019 của Công ty Cổ phần Đ thì giá trị chiếc xe ô tô Lexus biển số: 51A-951.74 tại thời điểm bà K bán cho bà N1 có giá là 2.329.650.000 đồng. Đối với trình bày của đại diện theo ủy quyền của bà K cho rằng không có căn cứ để xác định giá trị của chiếc xe tại thời điểm bán vì xe ô tô là động sản, phải bị hao mòn theo thời gian, tại thời điểm Công ty cho kết quả về giá của chiếc xe thì không có chiếc xe hiện hữu để làm cơ sở thẩm định, do đó chứng thư thẩm định giá trị của chiếc xe có giá 2.329.650.000 đồng tại thời điểm bán là thiếu khách quan. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đ là công ty được nhà nước công nhận có chức năng thẩm định giá trị tài sản trong đó có động sản, các đương sự cùng thống nhất chọn công ty Đ, kết quả thẩm định giá tài sản được thực hiện căn cứ vào các yếu tố chuyên môn rõ ràng công khai thể hiện trong hồ sơ thẩm định giá. Đồng thời, Tòa án cũng đã thu thập kết quả đăng kiểm của chiếc xe nói trên từng năm liền nhau tại thời điểm khi bà K bán xe. Sau khi có kết quả thẩm định giá phía bà K cũng không có yêu cầu thẩm định lại. Vì vậy, ý kiến trình bày của bị đơn là không có căn cứ, tòa sơ thẩm căn cứ vào kết quả thẩm định giá số 1170719/CT-TV ngày 24/7/2019 của Công ty Cổ phần Đ làm căn cứ xác định giá trị chiếc xe ô tô biển số Lexus biển số 51A-951.74 có giá trị tại thời điểm bán là 2.329.650.000 đồng để làm cơ sở tính thiệt hại tính bồi thường là có căn cứ.

Theo qui định tại Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ của bên được ủy quyền:

“1. Thực hiện công việc theo ủy quyền và báo cho bên ủy quyền về việc thực hiện công việc đó;

5. Giao lại cho bên ủy quyền tài sản đã nhận và những lợi ích thu được trong khi thực hiện việc ủy quyền theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật;

6. Bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này”.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà K cũng xác nhận bà K chưa giao cho bà H, ông N số tiền bán xe là 500.000.000 đồng. Do bà K không thực hiện đúng nghĩa vụ của người được ủy quyền, căn cứ Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2005, bà K phải trả lại cho bà H, ông N 500.000.000 đồng tiền đã bán chiếc xe Lexus biển số 51A-951.74 và bồi thường thiệt hại do chênh lệch giá trị của chiếc xe với

số tiền 1.829.650.000 đồng. Tổng số tiền bà K phải trả cho bà H là 2.329.650.000 đồng. Ông N xác nhận chiếc xe Lexus biển số 51A-951.74 là tài sản riêng của bà H nên mọi quyền lợi liên quan đến chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bà H nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Quế H và ông Nguyễn Thành N phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị K số tiền 5.610.291.130 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.128.000.000 tiền lãi phát sinh là 2.482.291.130 đồng.

Theo bà Huỳnh Thị K, bà có cho bà H, ông N vay số tiền tổng cộng là 3.628.000.000 đồng. Cụ thể, ngày 11/5/2015 bà H vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng (có Giấy vay tiền), ngày 12/8/2015 bà H mượn 100.000.000 đồng bà K đã chuyển vào tài khoản của bà H. Ngày 02/6/2015. Ông N vay số tiền 750.000.000 đồng, thời hạn 3 tháng, ngày 06/6/2015 ông N nhận 250.000.000 đồng, ngày 10/6/2015 ông N nhận 1.000.000.000 đồng, ngày 20/6/2015 ông N vay 78.000.000 đồng, ngày 26/8/2015 ông N nhận 950.000.000 đồng.

Theo đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày, trước đây bà H có nhận 500.000.000 đồng vào ngày 11/5/2015 và 100.000.000 đồng vào ngày 12/8/2015 của bà K. Tuy nhiên, sau đó bà H có bán nhà cho bà K ở Quận A và tại biên bản quyết toán công nợ thì các bên đã chốt nợ, theo đó bà K còn nợ lại bà H 3.000.000.000 đồng, và sau đó hai bên đã tất toán xong nên việc bà K yêu cầu bà H phải thanh toán lại số tiền trước đây đã mượn là không có căn cứ.

Đại diện theo ủy quyền của ông N trình bày: Ông N có ký nhiều giấy nợ đối với bà K nên cũng không xác định rõ những giấy biên nhận nợ mà bà K cung cấp là có xác thực hay không. Tuy nhiên, phía ông N và bà K đã có biên bản quyết toán sau khi hai bên mua bán các căn nhà ở Quận A, hai bên xác nhận mọi giấy tờ do ông N ký trước đây không còn giá trị vì hai bên đã quyết toán xong nên phía ông N không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà K về việc yêu cầu bà H và ông N liên đới thanh toán các khoản nợ theo 08 biên nhận tiền mà phía bà K cung cấp.

Căn cứ các giấy vay tiền, mượn tiền ghi ngày 11/5/2015, ngày 12/5/2015 giữa bà H với bà K. Các giấy mượn tiền, nhận tiền ghi ngày 02/6/2015, 06/6/2015, 10/6/2015, 21/6/2015, 26/8/2015 giữa ông N và bà K xác định có giao dịch vay mượn tiền giữa bà K với bà H, ông N từ ngày 11/5/2015 đến ngày 26/8/2015.

Căn cứ biên bản thanh quyết toán và bàn giao nhà B19; 20B và 21B khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ký kết ngày 18/10/2016 giữa bên A (bên mua nhà): Bà Huỳnh Thị K và bên B (bên bán nhà) bà Nguyễn Thị Quế H, có nội dung: Bên A và bên B xác nhận rằng: Sau khi xem xét đối chiếu tất cả các khoản từ việc mua/bán 3 căn nhà trên và tính đến ngày 18/10/2016 bên A chỉ còn thiếu bên B duy nhất số tiền: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Ngay trong ngày 18/10/2016 bên A sẽ trả cho bên B số tiền trên (bằng

tiền mặt) ngay sau khi 2 bên ký biên bản này và Bên B bàn giao căn nhà trên cho bên A.

Biên bản thanh quyết toán và bàn giao nhà ký kết ngày 18/10/2016 do bà H và bà K ký sau khi bà H ký các giấy nợ với bà K nhưng tại biên bản này bà K xác nhận tới thời điểm ngày 18/10/2016 bà K còn nợ bà H 3.000.000.000 đồng và cam kết trả ngay cho bà H trong ngày 18/10/2016, bà K và bà H không nhắc đến các khoản nợ bà H đã ký nhận trước đó vào ngày 11/5/2015, ngày 12/5/2015. Bà K không yêu cầu bà H thanh toán số nợ đã ký nhận trước đó và cũng không yêu cầu cần trừ với số nợ bà K nợ bà H từ việc mua bán 3 căn nhà. Điều này phù hợp với trình bày và giải thích của nguyên đơn về việc khi ký Biên bản thanh quyết toán và bàn giao nhà ký kết ngày 18/10/2016 bà H và bà K đã đối chiếu tất cả các khoản tiền hai bên còn nợ nhau và tiền mua bán 3 căn nhà đồng thời xác định chỉ có bà K còn nợ bà H 3.000.000.000 đồng. Tại phần cuối của biên bản thanh quyết toán và bàn giao nhà ngày 18/10/2016 được ký kết giữa bà Huỳnh Thị K và bà Nguyễn Thị Quế H do bà K cung cấp, tại phần bên B ký tên bà H đã xác nhận có nhận đủ 3.000.000.000 đồng. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bà K cho rằng nếu bà H không khởi kiện về hợp đồng ủy quyền xe ô tô thì phía bà K cũng không tiến hành khởi kiện về số nợ 3.628.000.000 đồng. Từ việc phân tích trên có cơ sở xác định vào ngày 18/10/2016 bà H và bà K đã quyết toán xong các khoản nợ phát sinh trước ngày 18/10/2016 và bà H không còn nợ bà K.

Căn cứ hợp đồng thỏa thuận ngày 29/8/2015 giữa bên A: ông Nguyễn Thành N, bà Nguyễn Thị Quế H với bên B: Bà Huỳnh Thị K có nội dung: Bên A đồng ý bán cho bên B 05 căn nhà, B19, B20, B21, B22-13 TMT2A phường T, Quận A.... Giá bán 40 tỷ. Các bên đã thống nhất giá trị 05 căn nhà mà bà H, ông N bán cho bà K là 50 tỷ đồng nhưng bà K yêu cầu chỉ ghi 40 tỷ đồng trên hợp đồng còn lại 10 tỷ đồng để quyết toán công nợ của ông N với bà K. Tại biên bản bàn giao nhà ngày 29/9/2016 giữa bên A bà Huỳnh Thị K và bên B ông Nguyễn Thành N có nội dung: *“Hai bên thống nhất và đồng ý thực hiện những nội dung sau: Điều 1: Thống nhất công nợ giữa bên A và bên B: 1.1. Về việc quyết toán công nợ giữa bà Huỳnh Thị K1 và ông Nguyễn Thành N trước khi bàn giao hai (02) căn nhà số B và 13TMT2A khu phố B phường T thành phố Hồ Chí Minh sẽ chấm dứt. Ông Nguyễn Thành N không còn nợ bà Huỳnh Thị K và bà Huỳnh Thị K không còn nợ ông Nguyễn Thành N. 1.2. Tất cả các hóa đơn chứng từ liên quan về tiền bạc sẽ không còn giá trị khi bên A và bên B hoàn tất công việc giao và nhận hai (02) căn nhà nhà số B22 và 13TMT2A khu phố B phường T, Quận A thành phố Hồ Chí Minh”*. Biên bản này bà K và ông N cùng ký tại bên giao và nhận nhà, các bên xác nhận đã hoàn tất việc giao nhận nhà theo thỏa thuận tại biên bản này. Như vậy, căn cứ vào nội dung của biên bản bàn giao nhà ngày 29/9/2016 giữa bà Huỳnh Thị K và ông Nguyễn Thành N xác định các khoản nợ ông N ký nhận ghi các ngày 02/6/2015, 06/6/2015, 10/6/2015, 21/6/2015, 26/8/2015 đã được ông N và bà K2 thống nhất thanh quyết toán xong, tất cả các hóa đơn chứng từ liên quan về tiền bạc sẽ không còn giá trị các bên không còn

nợ gì nhau. Do vậy, yêu cầu của bà K buộc ông N thanh toán các khoản nợ theo các giấy nhận tiền ông N đã ký là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên xác định, bà H, ông N và bà K đã có thỏa thuận thanh quyết toán các khoản tiền bà H ông N ký vay bà K thông qua việc thỏa thuận khấu trừ vào tiền mua bán 05 căn nhà của bà H, ông N cho bà K. Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Quế H và ông Nguyễn Thành N phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị K số tiền 5.610.291.130 đồng, trong đó tiền gốc là 3.128.000.000 đồng tiền lãi phát sinh là 2.482.291.130 đồng. Đồng thời, khấu trừ số tiền bà K phải trả cho bà H 500.000.000 đồng từ việc bán chiếc xe Lexus biển số 51A-951.74 của bà H là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị K.

[2.3] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 306/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 47/QĐ-SCBSBA ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 306/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 47/QĐ-SCBSBA ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quế H: Buộc bà Huỳnh Thị K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Quế H tổng số tiền 2.329.650.000 đồng. Thi hành làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Quế H và ông Nguyễn Thành N phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị K số tiền 5.610.291.130 đồng, trong đó tiền gốc là 3.128.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 2.482.291.130 đồng

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Quế H số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0027808 ngày 02/11/2017; số tiền 24.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/000599 ngày 03/5/2019; số tiền

8.241.250 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027869 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Thị K số tiền 47.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0028911 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị K được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền